TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG NĂM VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Lúa đông xuân

2.953,6
nghìn ha

▲ 0,03%

Diện tích gieo trồng lúa và hoa màu tính đến 15/5/2024

Ngô
437,1
nghìn ha
▼ 0,3%

Lạc
104,5
nghìn ha
▼ 4,1%

Khoai lang
50,6
nghìn ha
▲ 2,2%

Rau đậu
630,1
nghìn ha
bằng cùng kỳ năm trước

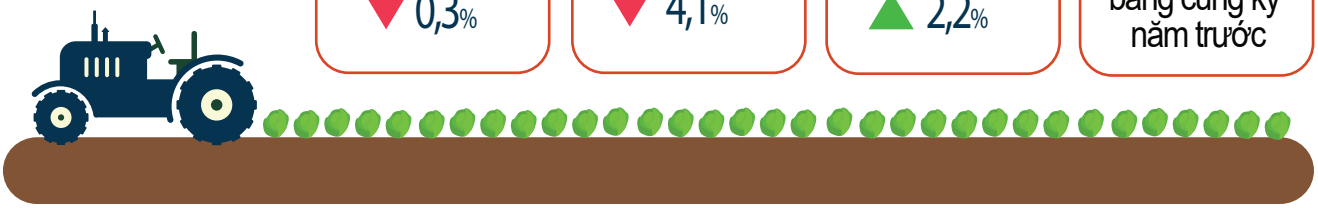

Số lượng gia súc, gia cầm cuối tháng 5/2024 so với cùng thời điểm năm trước

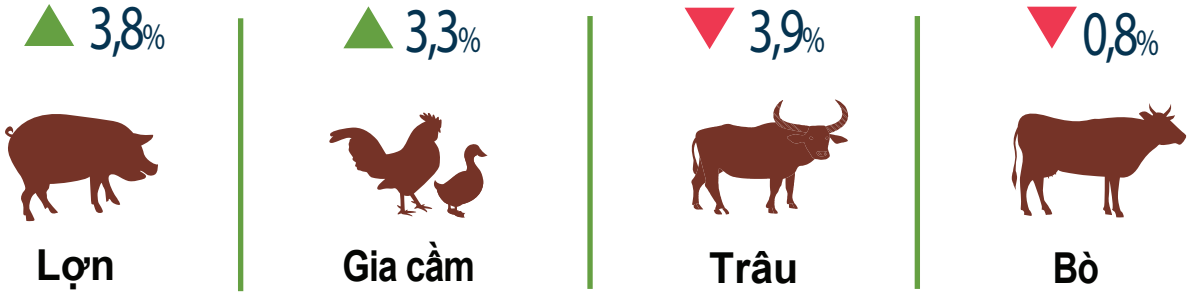

Sản lượng thủy sản 5 tháng đầu năm 2024

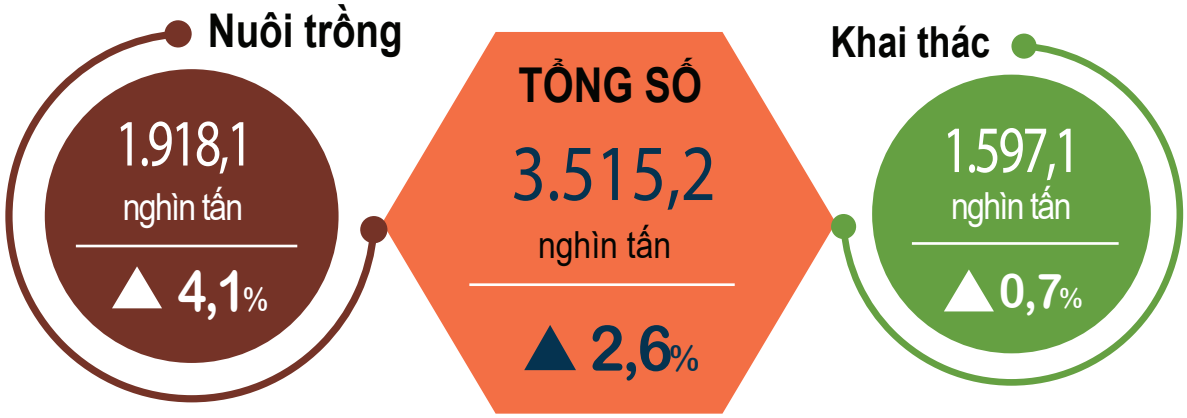

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Tốc độ tăng/giảm Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ năm trước

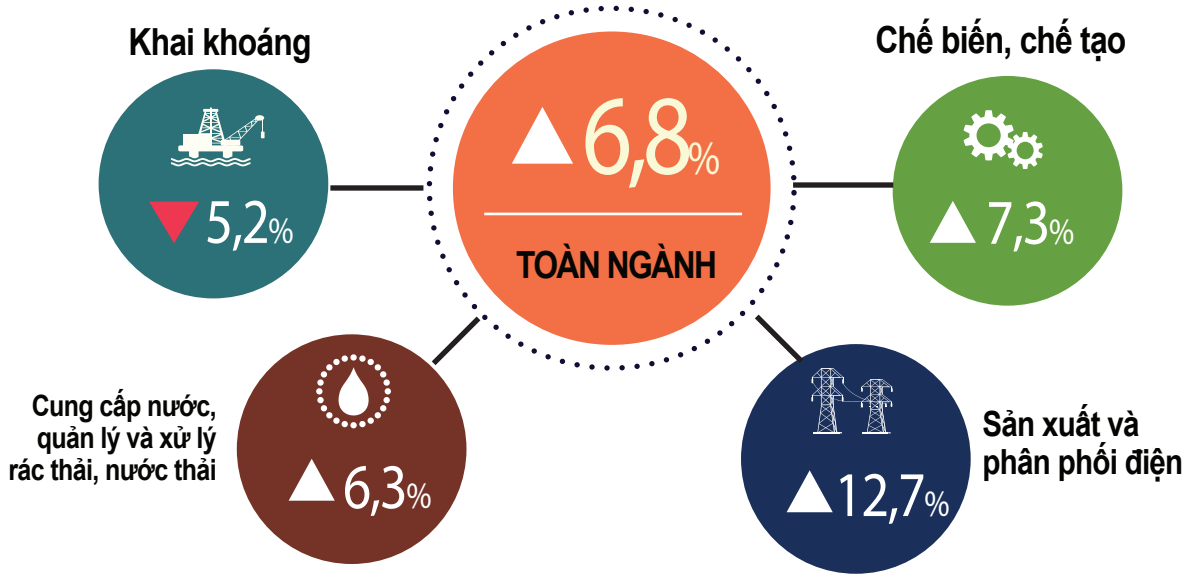

TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

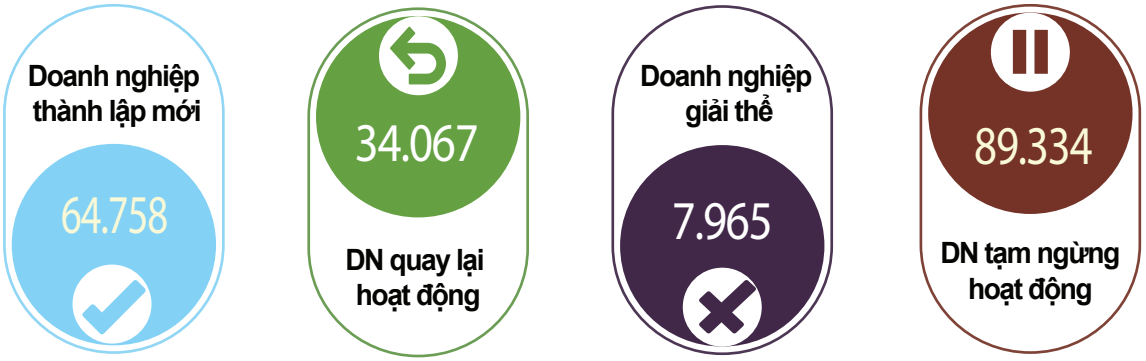

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 5 tháng đầu năm 2024

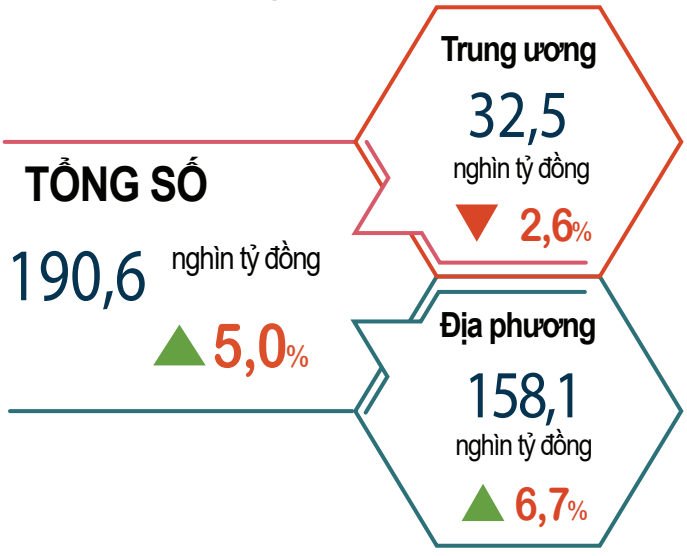

Đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam từ 01/01-20/5/2024

Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam
11,07 tỷ USD
▲2,0%

Tổng vốn FDI thực hiện
8,25 tỷ USD
▲7,8%

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Bán lẻ hàng hóa	Lưu trú, ăn uống	Du lịch lữ hành	Dịch vụ khác
1.998,2 nghìn tỷ đồng	296,3 nghìn tỷ đồng	24,2 nghìn tỷ đồng	261,5 nghìn tỷ đồng
▲ 7,4%	▲ 15,1%	▲ 45,1%	▲ 8,8%

TỔNG SỐ 2.580,2 nghìn tỷ đồng ▲ 8,7%

XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

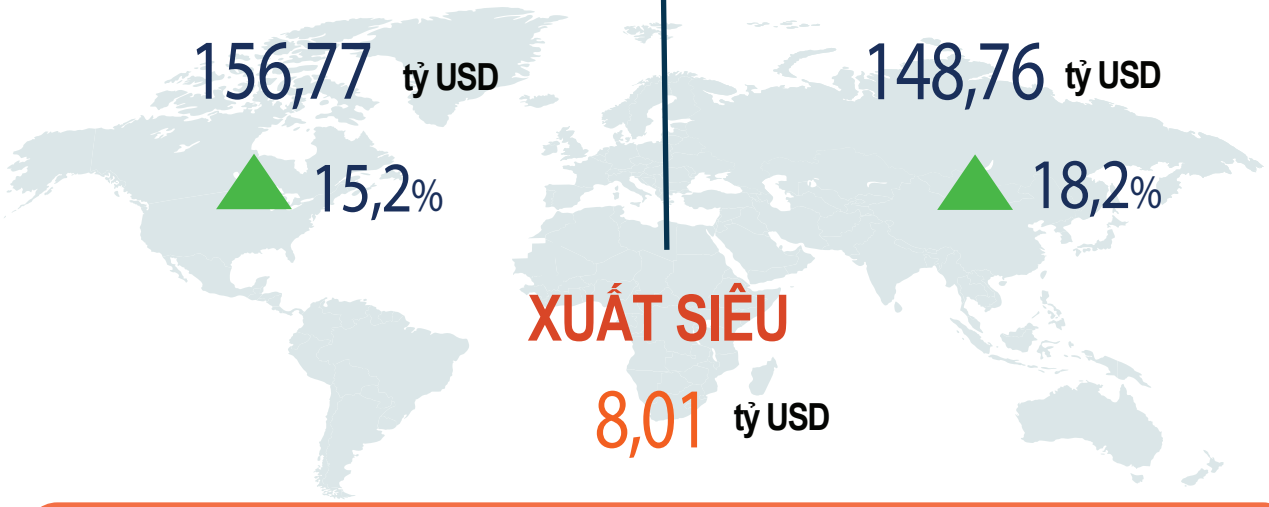

Xuất khẩu

156,77 tỷ USD

▲ 15,2%

Nhập khẩu

148,76 tỷ USD

▲ 18,2%

XUẤT SIÊU

8,01 tỷ USD

CHỈ SỐ GIÁ

- 104,44% — CPI tháng 5/2024 so với tháng 5/2023
- 100,05% — CPI tháng 5/2024 so với tháng trước
- **104,03%** — CPI bình quân 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
- 122,95% — Chỉ số giá vàng bình quân 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước
- 105,24% — Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân 5 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Vận tải hành khách

Vận chuyển

1.935,1 triệu lượt khách ▲ 6,1%

Luân chuyển

111,4 tỷ khách.km ▲ 12,7%

Vận tải hàng hóa

Vận chuyển

1.028 triệu tấn ▲ 11,4%

Luân chuyển

208,4 tỷ tấn.km ▲ 7,9%

KHÁCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

7.583,0 nghìn lượt người

gấp **1,6** lần

- **Hàng không** 6.343,3 nghìn lượt người — gấp 1,6 lần
- **Đường bộ** 1.077,3 nghìn lượt người — gấp 2,1 lần
- **Đường biển** 162,4 nghìn lượt người — gấp 3,2 lần

Phân theo vùng lãnh thổ (Nghìn lượt người)

Châu Á	Châu Âu	Châu Mỹ	Châu Úc	Châu Phi
5.892,2	976,0	460,1	233,1	21,6

TAI NẠN GIAO THÔNG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Số vụ tai nạn
(từ ít nghiêm trọng trở lên)

7.267

Bình quân 1 ngày

48 Vụ

Số người chết

4.405

Bình quân 1 ngày

29 người

Số người bị thương

4.725

Bình quân 1 ngày

31 người